

## BẢN CÁO BẠCH

### Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

TT	Công ty	Mã CK	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA (%)	ROE (%)
1	Công ty cổ phần Sông Đà 11	SJE	1.466.032.081.423	115.531.050.000	495.585.655.431	702.425.437.114	84.864.472.934	5,13	16,31
2	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	VE1	62.686.851.846	60.000.000.000	55.393.938.249	25.906.461.681	186.303.675	0,39	0,46
3	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	VNE	1.558.528.613.294	904.329.530.000	936.867.831.095	908.832.575.760	65.817.069.984	4,11	6,63
4	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	PCI	6.213.772.236.180	1.154.528.420.000	2.813.992.283.340	3.160.556.015.495	256.301.876.312	4,41	9,71
5	Công ty cổ phần Sông Đà 2	SD2	739.843.483.384	144.235.360.000	206.534.713.583	702.744.814.014	4.439.546.335	0,55	2,13
6	Công ty cổ phần Đạt Phương	DPG	3.946.832.932.910	118.577.380.000	880.610.621.627	1.410.358.511.627	191.110.673.241	4,91	21,57
7	Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà	SDD	437.840.887.121	160.076.850.000	154.824.203.679	38.763.128.275	-6.242.770.117	-1,46	-3,95
8	Công ty cổ phần Sông Đà 4	SD4	1.264.923.851.021	103.000.000.000	178.932.591.904	868.572.141.092	28.546.763.091	2,43	17,21

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán)

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều Công ty trong lĩnh vực xây lắp điện đang hoạt động. Trong số đó, có những công ty có tiềm lực tài chính mạnh, năng lực thi công tốt như Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam với vốn điều lệ lớn hơn rất nhiều lần so với Công ty cổ phần Sông Đà 11. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp với mức vốn điều lệ tương đồng với SJE như: Công ty cổ phần Đất Phương, Công ty cổ phần Sông Đà 2, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà. Việc so sánh các chỉ tiêu chính là hệ số ROA, ROE sẽ cho chúng ta thấy khả năng sinh lời và hiệu quả sử dụng vốn của các công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực này.

Nhìn vào chỉ số ROA của các Công ty cho ta biết hiệu quả của công ty đó trong việc sử dụng tài sản để sinh lời. Năm 2017, tổng tài sản của VNE là hơn 1.500 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 65,8 tỷ và ROA là 4,11%. ROA của PCI là 4,41%. Trong khi đó, ROA của SJE đạt 5,13%, là công ty có ROA cao nhất trong số các Công ty được so sánh.

Hệ số ROE phản ánh năng lực sử dụng đồng vốn để sinh lời của doanh nghiệp. Năm 2017, ROE của Công ty cổ phần Sông Đà 11 là 16,31%, cao hơn các công ty có vốn lớn trong ngành như Công ty cổ phần Xây Lắp điện 1, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam và thấp hơn các công ty như Công ty cổ phần Đất Phương, Công ty cổ phần Sông Đà 4.

Như vậy, so với một số doanh nghiệp tiêu biểu trong cùng ngành, tình hình các chỉ số tài chính của Công ty trong năm 2017 khá tốt. Công ty đã sử dụng nguồn vốn và tài sản có hiệu quả để đầu tư phát triển các hoạt động của mình.

## 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 17/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết trong năm 2017 tổng đầu tư cho năng lượng trên toàn cầu giảm 2% so với năm 2016 xuống 1.800 tỷ USD, trong đó đầu tư vào lĩnh vực sản xuất điện trên 750 tỷ USD, cao hơn so với mức 716 tỷ USD đầu tư vào khai thác khí đốt và dầu mỏ. Như vậy, 2017 là năm thứ hai liên tiếp đầu tư vào ngành điện cao hơn so với đầu tư vào ngành dầu khí. Theo báo cáo của IEA, nhiều quốc gia tăng cường đầu tư để nâng cấp hoặc xây mới mạng lưới sản xuất điện, nhằm cân bằng cung-cầu, trước sự gia tăng của điện gió, điện Mặt Trời và các loại xe điện.

Phát triển kinh tế – chính trị luôn đòi hỏi sự tăng trưởng của nhu cầu năng lượng và điện năng toàn thế giới. Tại Việt Nam, nhằm nâng cao năng lực truyền tải của hệ thống điện, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu nối các công trình nguồn điện, đảm bảo cấp điện cho miền Nam và các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết tình trạng quá tải về cung cấp điện cho nhiều địa phương và các khu vực kinh tế trọng



điểm của đất nước cũng như đảm bảo chương trình đưa điện về nông thôn và miền núi (98% hộ dân tại đây có điện), Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, chú trọng phát triển ngành điện với nhiệm vụ quan trọng là cung cấp năng lượng điện cho mọi hoạt động, phân ánh thông qua vốn đầu tư cho ngành điện tăng mạnh qua các năm.

**Bảng số 17: Số lượng đường dây và các trạm điện được bổ sung và lưới điện quốc gia giai đoạn 2011-2030**

Hạng mục	Đơn vị	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
Trạm 500 KV	MVA	17.100	24.400	24.500	20.400
Trạm 220 KV	MVA	35.863	39.063	42.775	5.325
Đường dây 500KV	Km	3.833	4.539	2.234	2.724
Đường dây 220 KV	Km	10.637	5.305	5.552	5.020

(Nguồn: Tổng sơ đồ phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030;

*Báo cáo cấp nhật nhanh ngành điện năm 2016 của MBS)*

Tốc độ tăng của tiêu thụ điện vượt xa so với tốc độ tăng trưởng GDP trong cùng kỳ. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP là 6,81%. Tốc độ tăng trưởng ngành sản xuất và phân phối điện tằm tính tăng 9,4% so với năm 2016. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng GDP được dự báo ở mức 6,7-7%/năm thì nhu cầu tiêu thụ điện nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng mạnh. Đặc biệt trong giai đoạn này, GDP tăng trưởng chủ yếu nhờ vào sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng trên 50% tổng mức tiêu thụ điện năng của cả nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ điện hộ gia đình (chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, trên 40%) cũng sẽ gia tăng, một mặt nhờ đa phục hồi của nền kinh tế, mặt khác là mạng lưới truyền tải điện được nâng cấp và mở rộng. Đây chính là những điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc phát triển, mở rộng hoạt động trong tương lai.

**9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và của xu thế chung trên thế giới**

### **9.3.1. Định hướng phát triển của Công ty**

Công ty đề ra những định hướng phát triển trong tương lai như sau:

Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng bộ, tinh gọn, đáp ứng triển khai thực hiện xây dựng các công trình đường dây tải điện và hệ thống điện nước, sản xuất công nghiệp.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực thi công cốt lõi; Xây dựng và định hình các Chi nhánh, Đội xây lắp có tiềm lực, đảm bảo tính cơ động cao và đủ khả năng đảm nhận thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao.



Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 phân phối để giảm tổn thất điện năng, giám sát độ tin cậy cung cấp điện. mở rộng lưới điện phân phối đến vùng sâu, vùng xa. Tập trung đầu tư cải tạo lưới điện phụ tải; Nghiên cứu giảm bớt cấp điện áp trung thế của lưới điện phân phối. Nhanh chóng các nguồn điện; phát triển lưới 110 kV thành lưới điện phân phối cung cấp trực tiếp cho cây cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng trên lưới truyền tải, bảo đảm khai thác kinh tế lưới điện truyền tải; Phát triển nhanh hệ thống truyền tải 220, 500 kV nhằm nâng cao độ tin cậy đi đôi với phát triển lưới điện, phát triển lưới điện phân phối phải phù hợp với phát triển giảm tổn thất điện năng. Chiến lược phát triển lưới điện cụ thể là phát triển nguồn điện phải hiện đại hệ thống truyền tải, phân phối nhằm nâng cao độ tin cậy, an toàn cung cấp điện và doanh nghiệp khác đầu tư các công trình có công suất nhỏ hơn. Phát triển nhanh, đồng bộ, đầu tư những công trình phát điện có công suất từ 100 MW trở lên, tạo điều kiện cho các đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực. Tổng công ty Điện lực Việt Nam chỉ hiện đại. Phát triển thủy điện, nhiệt điện than, điện khí, điện nguyên tử..., kết hợp trao hướng đến năm 2020 đưa ra chiến lược phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện theo hướng việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004 – 2010, định Theo Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg ngày 5/10/2004 của Thủ tướng chính phủ về

### 9.3.2. Định hướng phát triển ngành

mạnh đầu tư trang thiết bị thi công với công nghệ tiên tiến. công trình đang thi công trước mắt và hướng tới lâu dài kết hợp cùng chiến lược đẩy Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý với nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các và có tác cho các cơ đồng.

cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng

nhà máy thủy điện và điện mặt trời có tổng công suất trên 100MW đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, phần đầu đến năm 2020 sẽ sở hữu 10 doanh nghiệp thương phẩm và sản xuất đá xây dựng. Đồng thời nâng cao năng lực làm chủ trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, sản xuất và kinh mức các nguồn lực cho đầu tư phát triển ngành nghề truyền thống là lắp đặt đường dây và Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu tập trung đúng Công ty đề ra chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

tác, gần bỏ lâu dài và công hiến vì sự phát triển của Công ty. kiện và môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp để người lao động yên tâm công động, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao; tạo điều Đảm bảo ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu về thu nhập, đời sống của người lao



(QĐ 7) đã được Viện Năng lượng lập và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 21/7/2011. Một số mục tiêu quan trọng của QHD 7 là: Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu năm 2020 khoảng 330 - 362 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 695 - 834 tỷ kWh. Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 2% năm 2010, lên 4,5% tổng điện năng sản xuất vào năm 2020 và 6,0% vào năm 2030. Theo đó, tổng công suất nguồn điện gió từ mức không đáng kể hiện nay dự kiến đạt 1.000MW vào năm 2020, khoảng 6.200MW vào năm 2030; Điện sinh khối, đồng phát điện tại các nhà máy đường đến năm 2020 có tổng công suất khoảng 500MW, nâng lên 2.000MW vào năm 2030.

Cùng với việc ban hành các khung pháp lý như: Luật điện (2004); Luật bảo vệ môi trường (2005); Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 (2007); Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010), Chính phủ đã và đang tiếp tục đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho phát triển mạnh mẽ nguồn điện từ năng lượng tái tạo như: Quyết định về một số Cơ chế chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (2007); Qui định về Biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo (Bộ Công Thương - 2008); Quyết định về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam (2010)...

Nhìn chung, chính sách xuyên suốt của Việt Nam đối với ngành điện những năm qua là đảm bảo phát triển ngành điện để đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân. Những mục tiêu, định hướng phát triển này sẽ là một động lực lớn thúc đẩy sự phát triển của toàn ngành.

**9.3.3. Đánh giá về sự phù hợp**

Với tiềm năng phát triển của mình cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

### **10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty**

Tổng số lao động đến thời điểm 30/9/2018 của Công ty là 444 người, cơ cấu lao động được thể hiện như sau:

**Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2018**

<b>Phân loại lao động</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>444</b>	<b>100,00%</b>
Lao động có trình độ trên đại học	09	2,03%



Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho công ty. Tuy từng vị trí cụ thể, công ty có những tiêu chuẩn bắt

#### ❖ Chính sách tuyển dụng:

cho người lao động. phương tiện bảo hộ lao động, về sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các động cho CBNV làm việc tại công trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, đúng cụ và đồ bảo hộ lao động. Văn phòng làm việc khăng trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ

*Điều kiện làm việc:* Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Luật Lao động.

được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng *Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:* Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc của nhà nước và có đại ngộ thỏa đáng cho người lao động.

trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có

trong ngày được quy định cụ thể như sau:

giờ/tuần, làm việc từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7, nghỉ chiều thứ 7 và chủ nhật. Giờ làm việc *Thời gian làm việc:* Thời gian làm việc bình thường của Công ty là 8 giờ/ngày, 44

#### ❖ Chế độ làm việc:

### 10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Tổng số lao động	444	100,00%
Nữ giới	48	10,81%
Nam giới	396	89,19%
Phân loại lao động theo giới tính	444	100,00%
Lao động thủ việc	0	0,00%
Lao động thời vụ	62	13,96%
Lao động xác định thời hạn từ 1 - 3 năm	135	30,41%
Lao động không xác định thời hạn	247	55,63%
Phân loại theo loại hợp đồng lao động	444	100,00%
Khác: Công nhân	279	62,84%
Lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng	37	8,33%
Lao động có trình độ đại học	119	26,80%



buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của công ty. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài cho Công ty.

Năm 2017, căn cứ khối lượng công việc và nhu cầu nhân lực, Công ty đã tuyển dụng thêm 50 cán bộ công nhân viên bao gồm 5 cán bộ khoa học nghiệp vụ và 45 công nhân kỹ thuật để bổ sung sự thiếu hụt nhân lực, lao động của các đơn vị.

#### ❖ *Chính sách đào tạo:*

Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác. Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức 5 lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công nhân viên, cụ thể: lớp đào tạo quản trị tài chính kế toán, rủi ro, kiểm soát nội bộ 3 người; lớp đào tạo an toàn lao động và vệ sinh môi trường 20 người; lớp đào tạo kỹ thuật đầu nối cáp ngầm trung thế 24 người; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát công trình 9 người; lớp đào tạo công nhân điện 24 người với giá trị đào tạo là 270,7 triệu đồng.

#### ❖ *Chính sách lương và thưởng:*

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Ngoài ra, chế độ lương và thưởng của Công ty có phần Sông Đà 11 còn được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;



- Thường cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thường sáng kiến;
- Thường trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty.

❖ **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:**

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Cán bộ công nhân được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBNV, ... từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau, năm viên, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoài khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo...

**11. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chính sách cổ tức trong những năm tiếp theo sẽ được tính toán phù hợp dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế. Cụ thể, trong 2 năm gần đây, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức như sau:

**Bảng số 19: Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016, 2017 và dự kiến 2018**

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thực hiện
2016	20%	Tiền mặt
2017	23%	Tiền mặt
Dự kiến 2018	20%	Cổ phiếu

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

**12. Tình hình tài chính**

**12.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Từ năm tài chính 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



**12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ của công ty:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Vốn điều lệ	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000

Trong giai đoạn 2016-2017 và đến 9 tháng đầu năm 2018, Công ty cổ phần Sông Đà 11 không có sự thay đổi vốn điều lệ. Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn là 115.531.050.000 đồng.

❖ **Báo cáo tình hình vốn kinh doanh của Công ty:**

**Bảng số 20: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>317.570.105.664</b>	<b>364.670.657.287</b>	<b>364.884.708.779</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000
- Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623	34.366.527.623
- Quỹ đầu tư phát triển	127.652.984.979	154.587.970.079	186.497.236.164
- LNST chưa phân phối	40.019.543.062	60.185.109.585	28.489.894.992
<b>II. Nợ phải trả</b>	<b>476.050.289.273</b>	<b>442.144.282.510</b>	<b>512.197.877.828</b>
- Nợ ngắn hạn	422.668.608.238	374.445.218.220	448.775.724.308
- Nợ dài hạn	53.381.681.035	67.699.064.290	63.422.153.520
<b>Tổng vốn kinh doanh</b>	<b>793.620.394.937</b>	<b>806.814.939.797</b>	<b>877.082.586.607</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

**Bảng số 21: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>423.860.833.282</b>	<b>495.585.655.431</b>	<b>487.869.127.316</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000
- Thặng dư vốn cổ phần	37.566.527.623	37.566.527.623	37.566.527.623
- Vốn khác của CSH	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	127.652.984.979	160.692.327.505	192.601.593.590
- LNST chưa phân phối	38.239.840.373	66.707.183.253	22.079.240.682



- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	84.870.430.307	95.088.567.050	100.090.715.421
<b>II. Nợ phải trả</b>	<b>1.032.266.414.870</b>	<b>970.446.425.992</b>	<b>1.051.931.126.189</b>
- Nợ ngắn hạn	696.158.136.271	547.854.602.451	547.713.103.752
- Nợ dài hạn	336.108.278.599	422.591.823.541	504.218.022.437
<b>Tổng vốn kinh doanh</b>	<b>1.456.127.248.152</b>	<b>1.466.032.081.423</b>	<b>1.539.800.253.505</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng và tài trợ cho các tài sản chủ yếu như sau:

**Bảng số 22: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.376.737.626	144.234.948.699	45.059.326.610
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.545.806.365	550.790.000	1.161.770.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	209.362.018.969	259.742.782.221	328.127.440.766
Hàng tồn kho	85.171.166.517	53.635.069.639	117.299.148.332
Tài sản ngắn hạn khác	1.763.780.488	3.717.148.518	5.324.424.666
Các khoản phải thu dài hạn	19.185.963.470	5.403.047.793	5.391.547.793
Tài sản cố định	86.233.978.659	93.572.164.823	86.555.127.156
Bất động sản đầu tư	/	/	/
Tài sản dở dang dài hạn	/	/	425.454.545
Đầu tư tài chính dài hạn	210.196.893.145	245.145.644.720	286.679.954.720
Tài sản dài hạn khác	784.049.698	813.343.384	1.058.392.019
<b>Tổng cộng</b>	<b>793.620.394.937</b>	<b>806.814.939.797</b>	<b>877.082.586.607</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

**Bảng số 23: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.010.237.469	163.080.582.267	74.760.518.029
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.886.696.365	551.283.335	1.162.263.335
Các khoản phải thu ngắn hạn	358.349.501.963	454.986.191.490	456.598.538.998
Hàng tồn kho	159.305.585.958	131.684.405.728	184.392.085.490



Mức lương bình quân của CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 11 khá cao, phù hợp với kinh nghiệm, trình độ của người lao động Công ty và duy trì ở mức ổn định có thể đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Đây có thể coi là một lợi thế của Công ty trong

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân/ người/ tháng (đồng)	8.709.000	8.130.000	8.002.000

Bảng số 24: Mức lương bình quân giai đoạn 2015-2017

## 12.1.3. Mức lương bình quân:

TT	Loại tài sản	6 – 50	3-20	6-30	3-6	5
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc					
2	Máy móc thiết bị					
3	Phương tiện vận tải					
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý					
5	Tài sản cố định khác					

hao cụ thể như sau:

- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể như sau:
- phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- định hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan
- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

chính, cụ thể như sau:

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài

## 12.1.2. Trích khấu hao TSCĐ:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng	1.456.127.248.152	1.466.032.081.423	1.539.800.253.505
Tài sản dài hạn khác	23.912.635.441	22.439.360.346	24.312.809.143
Tài sản dở dang dài hạn	9.738.153.164	16.902.733.023	143.103.989.468
Tài sản cố định	618.126.123.850	644.164.818.691	612.007.586.870
Các khoản phải thu dài hạn	26.463.697.456	24.045.497.210	23.830.555.205
Tài sản ngắn hạn khác	4.334.616.486	8.177.209.333	19.631.906.967



việc thu hút được nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ, kỹ năng và tay nghề cao. Cán bộ nhân viên, người lao động gần bó với Công ty.

**12.1.4.Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và vay đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn.

Căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2018, đến thời điểm 30/06/2018, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn.

Công ty cam kết không có nợ quá hạn và luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

**12.1.5.Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Công ty cam kết luôn tuân thủ theo các quy định, nghĩa vụ đối với các khoản thuế, phí phải nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Bảng số 25: Số dư các khoản thuế phải nộp (Công ty mẹ)**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	4.047.950.981	7.596.101.935	2.458.940.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391	10.675.387.803	2.175.645.378
Thuế thu nhập cá nhân	2.017.752.574	100.096.422	575.646.276
Thuế tài nguyên	253.824.265	330.585.408	400.425.688
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720	67.204.560	/
Các loại thuế khác	/	/	/
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.382.020	1.991.292.624	190.963.457
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.798.799.951</b>	<b>20.760.668.752</b>	<b>5.801.620.862</b>

*(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tư lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)*

**Bảng số 26: Số dư các khoản thuế phải nộp (Hợp nhất)**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	9.338.850.608	13.027.301.458	11.057.374.777
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	111.789.225	/	/
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.911.840.216	11.827.606.466	2.621.646.821



TT	Đối tượng	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Vay ngắn hạn	193.781.280.215	118.358.762.373	199.271.456.375
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	92.439.855.430	182.323.089.279
2	Vay ngắn hạn bên liên quan	/	20.178.906.943	14.678.906.943
3	Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000	5.740.000.000	2.269.460.153
II	Vay dài hạn	5.662.744.784	56.682.744.784	53.703.421.934
I	BIDV – CN Hà Tây	3.062.882.087	782.882.087	383.421.934
2	BIDV – CN Bắc Hà	2.599.862.697	1.279.862.697	/

Đơn vị: đồng

Bảng số 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Công ty mẹ)

Công ty không có nợ quá hạn.

## 12.1.7. Tổng dư nợ vay:

- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành công ty: 500.000.000 đồng
- Trích Quỹ phúc lợi: 601.851.000 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng: 601.851.000 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 31.909.266.085 đồng

cụ thể như sau:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất đến ngày 30/9/2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-BHBCB ngày 26/4/2018. Việc trích lập các quỹ

## 12.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng	21.842.290.205	29.750.385.895	19.463.738.254
Thuế thu nhập cá nhân	2.242.567.319	713.140.686	909.735.772
Thuế tài nguyên	659.034.236	784.080.783	2.060.583.914
Thuế nhà đất	145.201	145.201	949.741
Tiền thuê đất	/	/	36.472.802
Thuế bảo vệ môi trường	226.298.740	67.204.560	/
Các loại thuế khác	/	/	/
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	351.764.660	3.330.906.741	2.956.974.427



3	Viecombank – CN Gia Lai	/	46.220.000.000	45.520.000.000
4	Agribank – CN Lăng Hà	/	8.400.000.000	7.800.000.000
Tổng cộng		199.444.024.999	175.041.507.157	252.974.878.309

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 28: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Vay ngắn hạn	331.639.502.669	232.282.406.964	275.580.916.996
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	297.041.700.669	201.147.414.964	264.697.244.109
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	58.400.136.799	51.584.401.907	82.204.782.711
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung	84.860.958.470	56.693.433.466	91.063.946.546
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN Lăng Hà	149.180.605.400	92.869.579.591	91.428.514.852
-	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	4.600.000.000	-	-
2	Vay dài hạn đến hạn trả	34.597.802.000	31.134.992.000	10.883.672.887
II	Vay dài hạn	273.561.943.833	399.532.806.082	482.066.393.016
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Điện Biên	125.368.400.000	-	-
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bắc Hà	2.599.862.697	1.279.862.697	-
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	3.062.882.087	782.882.087	36.646.070.847



TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu ngân hàng	209.362.018.969	259.742.782.221	328.127.440.766
1	Phải thu ngân hàng của khách hàng	191.887.085.815	214.397.220.985	253.637.892.173
2	Trả trước cho người bán ngân hàng	4.710.508.285	19.480.218.096	38.001.340.226
3	Phải thu về cho vay ngân hàng	500.000.000	13.720.000.000	19.295.400.000
4	Phải thu ngân hàng khác	43.814.692.389	23.580.716.248	32.134.242.645
5	Dự phòng phải thu ngân hàng khó đòi	(31.550.267.520)	(11.435.373.108)	(14.941.434.278)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	/	/	/

Đơn vị: đồng

Bảng số 29: Các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)

12.1.8. Tình hình công nợ hiện nay:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng		605.201.446.502	631.815.213.046	757.647.310.012
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thanh Công	99.669.682	-	-
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Gia Lai	81.421.093.057	310.637.180.392	364.784.687.263
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Lăng Hà	8.613.841.148	47.192.501.787	46.592.501.787
7	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Hà Giang	49.490.009.002	39.048.631.395	33.648.631.395
8	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung	2.906.186.160	591.747.724	394.501.724



TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu ngân hàng	358.349.501.963	454.986.191.490	456.598.538.998
I	Phải thu ngân hàng của khách hàng	333.069.321.622	381.000.084.206	357.708.764.905
2	Trả trước cho người bán ngân hàng	14.459.358.901	28.095.838.727	50.553.291.648
3	Phải thu về cho vay ngân hàng	795.721.745	795.721.745	795.721.745
4	Phải thu ngân hàng khác	64.971.253.794	65.082.339.322	71.034.614.380
5	Dự phòng phải thu ngân hàng khó đòi	(54.946.154.099)	(19.987.792.510)	(23.493.853.680)
II	Các khoản phải thu dài hạn	26.463.697.456	24.045.497.210	23.830.555.205
I	Phải thu dài hạn của khách hàng	25.304.197.456	23.161.497.210	22.958.055.205
2	Phải thu dài hạn khác	1.159.500.000	884.000.000	872.500.000
Tổng cộng		384.813.199.419	479.031.688.700	480.429.094.203

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 30: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu ngân hàng	358.349.501.963	454.986.191.490	456.598.538.998
I	Phải thu ngân hàng của khách hàng	333.069.321.622	381.000.084.206	357.708.764.905
2	Trả trước cho người bán ngân hàng	14.459.358.901	28.095.838.727	50.553.291.648
3	Phải thu về cho vay ngân hàng	795.721.745	795.721.745	795.721.745
4	Phải thu ngân hàng khác	64.971.253.794	65.082.339.322	71.034.614.380
5	Dự phòng phải thu ngân hàng khó đòi	(54.946.154.099)	(19.987.792.510)	(23.493.853.680)
II	Các khoản phải thu dài hạn	26.463.697.456	24.045.497.210	23.830.555.205
I	Phải thu dài hạn của khách hàng	25.304.197.456	23.161.497.210	22.958.055.205
2	Phải thu dài hạn khác	1.159.500.000	884.000.000	872.500.000
Tổng cộng		384.813.199.419	479.031.688.700	480.429.094.203

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Nợ ngân hàng	422.668.608.238	374.445.218.220	448.775.724.308

1	Phải trả người bán	53.147.632.432	59.481.025.075	78.078.922.822
2	Người mua trả tiền trước ngân hàng	43.078.514.531	102.456.388.353	109.748.703.037
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.798.799.951	20.760.668.752	5.801.620.862
4	Phải trả người lao động	11.469.231.813	10.582.945.824	19.100.335.291
5	Chi phí phải trả ngân hàng	15.612.901.456	10.949.675.682	6.495.384.863
6	Doanh thu chưa thực hiện ngân hàng	/	42.500.000	42.500.000
7	Phải trả ngân hàng khác	85.402.303.898	49.089.347.025	26.292.564.898
8	Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng	193.781.280.215	118.358.762.373	199.271.456.375
9	Dự phòng phải trả ngân hàng	4.708.562.688	1.047.970.920	1.279.754.489
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.669.381.254	1.675.934.216	2.664.481.671
II	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>53.381.681.035</b>	<b>67.699.064.290</b>	<b>63.422.153.520</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	7.783.336.738	7.985.356.815	7.377.421.935
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	202.250.000	/	/
3	Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	500.000.000	/
4	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5.662.744.784	56.682.744.784	53.703.421.934
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	/	/	/
6	Dự phòng phải trả dài hạn	38.733.349.513	2.530.962.691	2.341.309.651
<b>Tổng cộng</b>		<b>476.050.289.273</b>	<b>442.144.282.510</b>	<b>512.197.877.828</b>

*(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC từ lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)*

**Bảng số 32: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: đồng*

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Nợ ngắn hạn	696.158.136.271	547.854.602.451	547.713.103.752

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**



Bảng số 33: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ)

## 12.2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng		1.032.266.414.870	970.446.425.992	1.051.931.126.189
6	Dự phòng phải trả dài hạn	46.199.798.791	2.876.838.061	2.611.875.673
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.076.020.315	-	-
4	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	273.561.943.833	399.532.806.082	482.066.393.016
3	Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	500.000.000	-
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	202.250.000	-	-
1	Phải trả người bán dài hạn	14.068.265.660	19.682.179.398	19.539.753.748
II	Nợ dài hạn	336.108.278.599	422.591.823.541	504.218.022.437
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.606.756.769	2.882.902.554	4.161.664.802
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16.451.878.788	1.180.581.390	1.412.364.959
8	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	331.639.502.669	232.282.406.964	275.580.916.996
7	Phải trả ngắn hạn khác	130.830.527.997	65.505.099.345	43.650.482.818
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	42.500.000	42.500.000
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	21.193.998.019	24.586.306.480	17.003.380.439
4	Phải trả người lao động	23.457.211.380	19.092.742.179	23.722.369.760
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.842.290.205	29.750.385.895	19.643.738.254
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	54.206.276.189	68.450.589.632	69.802.806.231
1	Phải trả người bán ngắn hạn	93.929.694.255	104.081.088.012	92.692.879.493

TT	Khoản mục			Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		1,13	1,23
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,93	1,09
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần		0,6	0,55
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		1,50	1,21
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng		10,27	5,32
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần		0,99	0,57
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		6,79%	13,21%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%		16,62%	17,64%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%		6,70%	7,52%
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%		6,44%	11,01%
5	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng		4.464	5.209

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2016, 2017 của Công ty)

**Bảng số 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)**

TT	Khoản mục			Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		1,12	1,38
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,89	1,14
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần		0,71	0,66
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		2,44	1,96
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng		5,71	3,61



TT	Khoản mục			Năm 2016	Năm 2017
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần		0,69	0,48
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		3,90%	12,08%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%		8,98%	18,46%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%		2,68%	5,81%
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%		2,40%	10,48%
5	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng		2.599	6.274

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, 2017 của Công ty)

**13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

13.1. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng số 35: Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Văn Ngụ	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Việt Cường	Thành viên HĐQT
5	Ông Dương Hoài Nam	Thành viên HĐQT không điều hành
	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
1	Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Lập	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Bà Hà Hồng Nhung	Trưởng BKS
2	Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên BKS
	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Ông Trần Văn Ngụ	Kế toán trưởng

**13.2. Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**

**❖ Ông Nguyễn Văn Sơn – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: Nguyễn Văn Sơn

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 11/06/1969

Nơi sinh: Thái Hòa – Bình Giang – Hải Dương

Số CMND: 13287781 do Công an Hòa Bình cấp ngày 30/4/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: C16, Khu Chung cư La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 02433 545 068

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện Tự động hóa

Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
04/1996 – 07/1997	Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11	Đội trưởng đội điện tại Công trường thủy điện Yaly
07/1999 – 03/2000	Xí nghiệp xây lắp năng lượng Sông Đà 11	Đội trưởng Đội điện
03/2000 – 07/2002	CN Sông Đà 11 tại Miền Nam	Phó Giám đốc
07/2002 – 03/2005	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc xí nghiệp 11.2
03/2005 – 07/2008	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc xí nghiệp 11.5
07/2008 – 04/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT, – Thăng Long Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long
4/2010-6/2014	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty
6/2014-nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Chủ tịch HĐQT



**BẢN Cáo BáCH**

**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

7/2018-nay	Tổng Công ty Sông Đà - Phó Tổng giám đốc	Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
		Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức

này:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Phó tổng giám đốc	0%
2	Công ty cổ phần Đầu tư điện mặt trời	Chủ tịch HĐQT	0%

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 499.505 cổ phần, chiếm 4,32% vốn điều lệ công ty.

+ Đại diện vốn của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP: 1.500.000 cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Thảo	Chị ruột	3.250	0,028%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Trần Văn Ngu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Trần Văn Ngu

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 30/10/1979

- Nơi sinh: Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định

- Số CMTND: 017309764 do Công an Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2014

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: B44, TT14, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 02433 545 867

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**BẢN CẠO BẠCH**  
**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
2001 - 2002	XN Sông Đà 11.3 – Công ty Sông Đà 11	Kế toán tổng hợp
2002 - 2005	XN Sông Đà 11.2 – Công ty Sông Đà 11	Trưởng ban Tài chính kế toán
2005 - 2007	Công ty CP Sông Đà 11	Phó kế toán trưởng Kiểm Trưởng ban TCKT Xi nghiệp Sông Đà 11.2
2007 - 2008	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó kế toán trưởng
2008 - 05/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
5/2010-nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Thành viên HĐQT	0%
2	Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	Thành viên HĐQT	0%
3	Công ty cổ phần Thủy Điện Đắk Doa	Chủ tịch HĐQT	0%
4	Công ty cổ phần Thủy điện To Bường	Thành viên HĐQT	3,556%
5	Công ty cổ phần Dầu tư điện Mặt trời	Thành viên HĐQT	0%

- Số cổ phần nắm giữ: 843.128 cổ phần, chiếm 7,30% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**



**BẢN Cáo BẠCH**

**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ **Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: Lê Văn Tuấn

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/05/1970

Nơi sinh: Hòa Lâm – Ứng Hòa – Hà Nội

Số CMND: 012845647 do Công an Hà Nội cấp ngày 07 tháng 04 năm 2006.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: SN 38 Villia2 khu đô thị Hyundai, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: (024) 2 463 212

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
8/1993-1/1995	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên
2/1995-1/2005	Công ty cổ phần Sông Đà 11; Chi nhánh Công ty xây lắp năng lượng tại Yaly	Trưởng ban Kinh tế kế hoạch – CN Công ty xây lắp Năng lượng tại Yaly; Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 11
2/2005-6/2008	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11
7/2008 – 5/2010	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11; Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long
6/2010-5/2012	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 11; Thành viên HĐQT kiêm Thăng Long

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Tổng Giám đốc Công ty	CP Sông Đà I I Thăng Long		
Tổng Giám đốc Công ty	CP Sông Đà I I Thăng Long		
Thành viên HĐQT kiểm	Thăng Long	Công ty CP Sông Đà I I -	5/2012-6/2014
Thành viên HĐQT kiểm	Thăng Long	Công ty CP Sông Đà I I	6/2014-nay
Tổng Giám đốc Công ty	CP Sông Đà I I Thăng Long		
Tổng Giám đốc Công ty	CP Sông Đà I I Thăng Long		

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức

này: Không

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 86.600 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ công ty.

+ Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 1.400.000 cổ phần.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Hoan	Vợ	170.300	0,0015%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Phạm Viết Cường – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phạm Viết Cường

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1972

- Nơi sinh: Ràng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định

- Số CMD: 013210660 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 22/07/ 2009.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: P505 nhà H1-3, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Hà

Nội

- Số điện thoại liên lạc: 0914141569



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
02/1998 – 01/2001	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên phòng Kinh tế – Kế hoạch
02/2001 – 06/2008	Xí nghiệp Sông Đà 11.2	Nhân viên, Trưởng ban, Phó Giám đốc
07/2008 – 7/2010	Công ty CP Sông Đà 11-Thăng Long	Phó TGD Công ty
08/2010 – 02/2012	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng Kinh tế – Kế hoạch
03/2012-01/2018	Chi nhánh Sông Đà 11.1	PGB, GD Chi nhánh 11.1
02/2018 - nay	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT KT&H kiểm tra phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiểm tra phòng Kinh tế – Kế hoạch
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này: Không

Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần năm giữ: + Số cổ phần cá nhân: 91.000 cổ phần, chiếm 0,79% vốn điều lệ công ty. + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Hòa	Vợ	125.650	1,09%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ Ông Dương Hoài Nam – Thành viên HĐQT
- Họ và tên: Dương Hoài Nam
- Giới tính: Nam

**BẢN Cáo BẠCH**

**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

- Ngày, tháng, năm sinh: 31/12/1987
- Nơi sinh: Hòa Bình
- Số CMND: 012692465 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 14/05/2004
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô 87 TT4 – KĐT Mỹ Đình Mễ Trì - Mỹ Đình 1 – Nam Từ Liêm – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0912572868
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại Quốc tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
2005 - 2006	Trường Wellington College – New Zealand	Học sinh
2006 - 2010	Victory University of Wellington – New Zealand	Sinh viên
2011 - 2012	Ngân hàng TPCP kỹ thương Việt Nam	Chuyên viên chính phòng tín dụng
2013 – 5/2014	Ngân hàng TMCP Liên Việt	Chuyên viên phòng khách hàng doanh nghiệp
5/2014 – 10/2016	Ngân hàng CP ngoại thương Việt Nam	Chuyên viên phòng quản trị rủi ro
10/2016 - 2017	Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng phòng quản trị rủi ro
6/2014 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này:
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Dương Khánh Toàn	Cha	9.000	0,08%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**



- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**Thành viên Ban kiểm soát**

❖ **Bà Hà Hồng Nhung – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: Hà Hồng Nhung

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 02/07/1992

Nơi sinh: Thanh Hóa

Số CMND/hộ chiếu: 013443502 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/06/2011

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 514 T5 – Cầu thang 4, DN 3, Tòa nhà CT9, Khu đô

thị Mỹ Đình, Mễ Trì, đường Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ

Liêm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0839612340

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
1/2015 – 5/2018	Tổng công ty Sông Đà -	Chuyên viên Ban Tài
	CTCP	chính kế toán
5/2018 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức

này (nếu có): Không

Số cổ phần nắm giữ tại công ty:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện vốn của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP: 203.000 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ **Ông Đặng Xuân Thu – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: Đặng Xuân Thu

- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/02/1960
- Nơi sinh: Đông Lặc – Chương Mỹ – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/Hộ chiếu: 012198122 do Công an Hà Nội cấp ngày 08/10/2011
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 203 nhà chung cư - Khu đô thị Văn Khê - Hà Đông
- Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0912546260
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
10/1978 – 10/1979	Học tại trường lái xe quân khu 3	Học viên
10/1979 - 02/1983	Trung đoàn vận tải quân khu 3	Lái xe
02/1983 - 06/1994	Tổng Công ty Sông Đà	Lái xe tải văn phòng
06/1994 - 10/1999	Công ty cát đá sỏi thuộc Bộ xây dựng	Công tác tại văn phòng
10/1999 - 7/2002	Công ty cát đá sỏi thuộc Bộ xây dựng	Phó phòng tổ chức
7/2002 - đến nay	Công ty Sông Đà 11	Trưởng phòng tổ chức hành chính

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Tổ chức – hành chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 1.300 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ Ông Nguyễn Vũ Hải – Thành viên Ban Kiểm Soát
- Họ và tên: Nguyễn Vũ Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/8/1976



- Nơi sinh: Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Số CMND: 001076016469 do Cục ĐKQL&DLQG về dân cư cấp ngày 19/6/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B3 Lô 3 Đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 090 345 6886
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
09/1999 – 03/2000	Công ty XNNL Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
04/2000 – 09/2003	Tổng công ty Sông Đà – BDH Dự án nước 4 tỉnh	Nhân viên BDH Dự án nước 4 tỉnh
10/2003 – 09/2004	Công ty CP Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
09/2004 – 05/2007	Chi nhánh Sông Đà 11.2	Phó ban KTKH
05/2007 – 07/2008	Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Trưởng ban KTKH
08/2008 – 05/2010	Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Phó giám đốc chi nhánh
06/2010 – 8/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
08/2010 – 03/2014	Chi nhánh Sông Đà 11.9	Phó Giám đốc chi nhánh
4/2014 – 9/2016	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Phòng KTKH
10/2016 – 01/2018	Chi nhánh Sông Đà 11.1	Phó Giám đốc chi nhánh
02/2018 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó phòng KTKH

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiêm Phó phòng KTKH
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 241.383 cổ phần, chiếm 2,09% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**Thành viên Ban Giám đốc**

**❖ Ông Lê Văn Tuấn – Tổng Giám đốc**

Thông tin SYLL tại mục Thành viên HĐQT

**❖ Ông Phạm Lập – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Phạm Lập

Giới tính: Nam

Ngày, tháng năm sinh: 7/9/1963

Nơi sinh: Lê Lợi, Kiến Xương, Thái Bình

Số CMND/hộ chiếu: 112374193 do Công an Hà Tây cấp ngày 27/03/2007

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: A38 TT12 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0242 146 472

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Qua trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
1986 – 1989	Trường Sĩ quan chỉ huy	Giáo viên
1990 – 1993	Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà	Trưởng ban KTKH
1994 – 2003	Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà	Phó GD XI nghiệp thuộc Công ty Xây Lắp năng lượng Sông Đà
2004 – 2006	Công ty Xây Lắp năng lượng Sông Đà	Giám đốc XI nghiệp Sông Đà 11.1
2007 – 2010	Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà 11	Tổng giám đốc
2010-Nay	CTCP Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 26.529 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ



**BẢN CÀO BẠCH**  
**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Công ty

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Nguyễn Văn Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Văn Hải

Giới tính: Nam

Ngày, tháng năm sinh: 17/05/1967

Nơi sinh: Đại Đồng, Từ Kỳ, Hải Dương

Số CMND: 012192796 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 20/3/2014

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 10 TT Dưng cù cát và đo lường, P. Thanh Xuân Trung,

Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0919 254 893

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Qua trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
Năm 1994-1995	Công ty CP Sông Đà 11	Đội trưởng đội lắp đặt cơ khí trạm khí nén 5k Yaly
Năm 1996 – 1999	Công ty CP Sông Đà 11	Cán bộ phòng KTKH
Năm 1999-2002	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng ban KTKH – XN Sông Đà 11.4
Năm 2002-2003	Công ty CP Sông Đà 11	Phó giám đốc Xi nghiệp Sông Đà 11.4
Năm 2003-2005	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng dự án Cty CP Sông Đà 11
Năm 2005-2009	Công ty CP Sông Đà 11	Giám đốc Chi nhánh Cty CP Sông Đà 11 tại Miền Nam
Năm 2009-2010	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Cty CP Sông Đà 11

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Năm 2010-2012	Công ty CP Sông Đà 11	Giám đốc chi nhánh sông đà 11.7
Năm 2012-4/2018	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Cty CP Sông Đà 11
Tháng 4/2018 đến nay	Công ty CP Sông Đà 11	Phó tổng giám đốc Cty CP Sông Đà 11

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có):

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Dầu tu	Thành viên BKS	0%

- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 87 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ Công ty

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**Kế toán trưởng**

❖ Ông Trần Văn Ngu – Kế toán trưởng

Thông tin SYTL tại mục Thành viên HĐQT

**14. Tài sản**

**Bảng số 36: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Công ty mẹ)**

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	185.576.963.914	83.338.227.823	44,91%
Nhà cửa, vật kiến trúc	86.666.042.683	52.173.827.017	60,20%
Máy móc, trang thiết bị	79.363.174.497	29.978.195.974	37,77%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.583.575.352	900.039.701	4,84%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	964.171.382	286.165.131	29,68%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017 của Công ty)

- Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn.



- Một số tài sản cố định có giá trị là 67.718.816.419 VNĐ đang được thế chấp cho các khoản vay trung hạn và dài hạn tại các Ngân hàng

**Bảng số 37: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (Công ty mẹ)**

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	185.176.658.579	76.321.190.156	41,22%
Nhà cửa, vật kiến trúc	86.666.042.683	49.333.528.542	56,92%
Máy móc, trang thiết bị	79.363.174.497	26.214.224.770	33,03%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.135.470.017	544.434.660	3,00%
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.011.971.382	229.002.184	22,63%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ tự lập 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn.

**Bảng số 38: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Hợp nhất)**

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	939.841.399.903	637.506.821.457	67,83%
Nhà cửa, vật kiến trúc	506.206.413.495	386.337.619.517	76,32%
Máy móc, trang thiết bị	352.943.703.577	201.628.000.396	57,13%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	78.396.588.366	48.996.294.402	62,50%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.294.694.465	544.907.142	23,75%
Tài sản cố định vô hình	6.775.248.986	6.657.997.234	98,27%
Quyền sử dụng đất	6.657.997.234	6.657.997.234	100,00%
Phần mềm máy tính	117.251.752	0	0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Công ty)

**Bảng số 39: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (hợp nhất)**

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	936.878.097.961	605.349.589.636	64,61%
Nhà cửa, vật kiến trúc	530.004.069.173	395.028.507.615	74,53%
Máy móc, trang thiết bị	377.458.807.227	209.591.051.552	55,53%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.072.727.096	353.191.911	1,30%

Thiết bị dùng cụ quản lý	2.342.494.465	376.838.559	16,09%
Tài sản cố định vô hình	6.775.248.986	6.657.997.234	98,27%
Quyền sử dụng đất	6.657.997.234	6.657.997.234	100,00%
Phần mềm máy tính	117.251.752	0	0,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)



## 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

## 15.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng số 40: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	% tăng giảm so với năm 2017
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	700.000	22,76%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	645.180	26,35%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	75.000	4,01%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	63.930	6,22%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	%	9,91%	-15,93%
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	/	/
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức (bảng cổ phiếu)	Triệu đồng	20%	13,04%

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

## 15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong năm 2017, công ty đã hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch đề ra một cách xuất sắc. Tất cả các chỉ tiêu đề ra đều hoàn thành vượt kế hoạch. Doanh thu thực hiện năm 2017 vượt 2,1% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017 vượt 143,9% so với kế hoạch. Năm 2018, Công ty dự kiến tăng doanh thu 26,35% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng thêm 6,22% so với năm 2017. Kế hoạch năm 2018 của Công ty được xây dựng trên cơ sở những kết quả đã đạt được năm 2017 cùng việc đánh giá thị trường điện tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Công ty đã chi tiết kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức, cụ thể:

Trong những năm gần đây, doanh thu và lợi nhuận của Công ty luôn duy trì ở mức cao. Năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 85,7 tỷ đồng; năm 2016, lợi nhuận sau thuế là 51,5 tỷ đồng. Năm 2017, lợi nhuận sau thuế là 60,2 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đã có năng lực đầu tư mạnh, các đơn vị thi công chuyên nghiệp hoàn toàn đảm bảo khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận không thấp hơn năm trước.

Hiện nay, Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, Nhà máy Thủy điện To Bùng, Thủy điện Đông Khuà, Thủy điện Đak Đoa, Thủy điện Sông Miến đã hoạt động rất ổn định, đem lại lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra, hoạt động xây lắp điện cũng rất hiệu quả. Năm 2018, Công ty dự kiến doanh thu xây lắp của Công ty sẽ đạt khoảng 650

- 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**
- Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 11 trong năm 2017 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty cổ phần Sông Đà 11.
- Đối với chỉ tiêu vốn điều lệ, trong quý IV/2018, Công ty cổ phần Sông Đà 11 sẽ thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ với tỷ lệ là 10:06 thì việc đạt được kế hoạch đề ra là hoàn toàn khả thi.
- Công ty cũng đã chi trả mức cổ tức năm 2017 là 23%, cùng với những dự báo tích cực về thị trường từ giữa năm 2018, các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty là phù hợp.
- Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.
- 17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường cổ tổ chức**
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bỏ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bỏ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- 18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**
- Không có
- 19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán**
- Không có



**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

**1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11**

**2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**

**3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu**

**4. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 6.931.863 cổ phiếu**

**5. Giá chào bán dự kiến:**

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: 15.000 đồng/cổ phiếu

(Nghị quyết ĐHĐCB bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCB ngày 16/10/2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ).

**6. Phương pháp tính giá**

Phương pháp tính giá cổ phiếu chào bán cho các cổ đông hiện hữu đã được trình ĐHĐCB bất thường năm 2018 thông qua. Mức giá cổ phiếu dự kiến chào cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở so sánh giá được tính theo 2 phương pháp:

a) Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

$$\begin{aligned} &\text{Giá trị sổ sách} \\ &= \frac{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - TSCĐ vô hình}} \\ &= \frac{11.553.105}{364.670.657.287 - 10.233.937.000} = 30.679 \text{ đồng} \\ &\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} \\ &= \frac{\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu SJF tại thời điểm 30/6/2018 theo BCTC tổng hợp:}}{\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu SJF tại thời điểm 31/12/2017 theo BCTC tổng hợp:}} \\ &= \frac{360.131.315.456 - 10.233.937.000}{11.553.105} = 30.286 \text{ đồng} \end{aligned}$$

b) Căn cứ thị giá cổ phiếu SJF:

Thị giá cổ phiếu SJF tại ngày giao dịch không hưởng quyền chốt danh sách cổ đông xin ý kiến cổ đông bằng văn bản (ngày 20/09/2018) là 28.500 đồng/cổ phiếu. Khối lượng giao dịch cổ phiếu SJF không lớn so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phiếu.

**7. Phương thức phân phối**

Việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền mua. Tỷ lệ phân bổ quyền 10 : 06 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền được mua 06 cổ phiếu mới). Cổ phiếu quỹ (nếu có)

không được phân bổ quyền mua.  
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, theo tỷ lệ thực hiện quyền 10 : 06 thì cổ đông A được hưởng 100 quyền mua và được mua 60 cổ phiếu chào bán.

**a) Quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng quyền mua một (01) lần với giá do hai bên tự thỏa thuận trong thời gian quy định (được SJE thông báo sau khi nhận được chấp thuận của UBCKNN). Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba.  
Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho các Nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư / cổ đông đó tại SJE vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Nhà đầu tư/ cổ đông đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

**b) Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu có dòng từ chối mua:**

- Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10 : 06 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền được mua 06 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.  
- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà cổ phiếu chào bán vẫn không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) thì số cổ phần còn lại được coi như chưa chào bán và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

**8. Thời gian phân phối cổ phiếu**

- Trong Quy IV/2018. Việc phân phối cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.  
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu vốn của Công ty trong thời hạn phân phối cổ phiếu nêu trên.  
Dự kiến Lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán như sau:

TT	Công việc	Dự kiến thời gian thực hiện
----	-----------	-----------------------------



1	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN.	D
2	Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSD chốt DSCB thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	D đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D + 13
6	Tổng hợp danh sách cổ đông, thực hiện phân bổ quyền mua cổ phần.	D + 15
7	Phân bổ cổ phiếu phát hành. Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu.	D + 15 đến D + 35
8	Tổng hợp số lượng cổ phiếu chào bán và HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đặt mua theo Nghị quyết DHDCEB.	D + 35 đến D + 40
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán.</li> <li>Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung.</li> </ul>	D + 45
10	Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung.	D + 70
11	Công bố thông tin về việc niêm yết bổ sung cổ phiếu.	D + 70
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D + 70 đến D + 80
13	Giao dịch cổ phiếu chào bán thêm.	D + 80

### 9. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký: Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền mua, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở các thành viên lưu ký (Công ty chứng khoán thành viên) nào sẽ chuyển nhượng quyền, đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.

- Thủ tục thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ
  - + Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần tự tìm đối tác và thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần. Các cổ đông đã lưu ký sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty chứng khoán thành viên nơi bên chuyển nhượng mở tài khoản.
  - + Sau khi VSD gửi báo cáo phân bổ cổ phiếu chào bán thêm đến các TVLK, các

TVLK sẽ hạch toán cổ phiếu phát hành thêm vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

- + Cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.
- + Sau khi SJF hoàn tất các thủ tục phần phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới chào bán có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ đang lưu hành.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không áp dụng.

- Lưu ý: Trong thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua theo quy định, các cổ đông không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất phần mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

#### **10. Phương thức thực hiện quyền**

- **Điều kiện, thời gian thực hiện quyền:**

- + Cổ đông hiện hữu: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày chốt danh sách phần bỏ quyền mua cổ phiếu.

- + Thời gian thực hiện quyền dự kiến: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7

- **Phương thức thanh toán quyền mua cổ phiếu:**

- + Đối với cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu tại thành viên lưu ký nào sẽ được nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và đăng ký thực hiện quyền mua cổ lưu ký đó.

- + Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu sẽ được nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.

- **Chuyển giao cổ phiếu:**

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán cổ phiếu, Công ty cổ phần Sông Đà 11 sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại trụ sở chính của Công ty.

- **Quyền lợi của người mua cổ phiếu:**

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại mục V.7. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác theo giá thỏa thuận của hai



bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhân chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

**11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Bà 11 không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đối với cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 20/09/2018, số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại công ty là 79.995 cổ phiếu, tỷ lệ 0,69% vốn điều lệ.

Theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều kiện nước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều kiện nước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều kiện nước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác”

- Trong các ngành nghề Công ty đang hoạt động có ngành nghề vận tải hàng hóa bằng đường bộ có giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49%.

- Ngoài ra, Công ty có ngành nghề hoạt động kinh doanh sản thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo danh mục



## 2. Phương án khả thi

Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.

Ưu tăng vốn điều lệ của Công ty nhằm đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện gian tới đã được ĐHCĐ Công ty thông qua, việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện Căn cứ vào chiến lược kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng dự án trong thời

## 1. Mục đích chào bán

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nam - Chi nhánh Lăng Hạ.

- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt
  - Số tài khoản: 1400206033788
  - Tên tài khoản: Công ty cổ phần Sông Đà 11
- vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Sông Đà 11 mở tại Ngân hàng:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu của các cổ đông được chuyển

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Khoản 1a Điều 59 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

bổ sung trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Công ty cổ phần Sông Đà 11 cam kết thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch

## 14. Đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán

thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

- Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan.

+ Hoạt động cung cấp nước sạch: 5%

+ Hoạt động xây lắp, điện trong phạm vi, địa thành phẩm, vật tư: 10%

với thuế suất như sau:

- Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- là 20% tính trên thu nhập chịu thuế (tính từ năm 2016).

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất thuế Thu nhập cá nhân.

hiện Theo Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

- Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: Thực

## 13. Các loại thuế có liên quan

chuyển nhượng.

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế

## 12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

lệ của nhà đầu tư nước ngoài tới đa tại công ty là 49%.

do Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài công bố. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu vốn điều



**Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú tại Xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận**

- Tên dự án: Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú – 42MWp
- Tên Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời.
- Địa chỉ: Số nhà 1N7A đường Nguyễn Thị Thập, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Tổ chức lập hồ sơ Bảo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng Việt Nam

- Tổ chức tư vấn thẩm tra: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 và Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện Hà An.
- Cam kết cấp hạn mức tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây. Cụ thể:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời các khoản vay (mỗi khoản vay như vậy được gọi là “Khoản vay”) với tổng số tiền gốc tối đa 659.644.000.000 VND (nhưng không vượt quá 70% - Bảy mươi phần trăm Tổng mức đầu tư Dự Án (sau VAT)) (“Tổng Khoản Cam kết”), với điều kiện là tổng số dư nợ gốc của các Khoản vay của Ngân hàng tại một thời điểm nhất định không vượt quá Khoản Cam kết của Ngân hàng tại thời điểm đó, và tất cả các điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Tín dụng khác đã và được được tuân thủ và thực hiện đúng.

- Cấp công trình: Công trình công nghiệp năng lượng, nhóm B, cấp I, công suất lắp đặt 42 MWp. Cụ thể:

- Dự án Điện mặt trời Phong Phú có dây chuyển công nghệ chính là thiết bị quang điện. Cấp công trình theo quy mô công suất được xác định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2016/TT-BXD, tương ứng với Mục 1.2.5.3 bảng 1.2 Phụ lục 1, cấp công trình theo quy mô công suất là cấp I.

- Trạm biến áp năng áp 22/110KV – 2 x 25 MVA và đường dây 110 KV: tương ứng với Mục 1.2.5.11 Bảng 1.2 Phụ lục 1. Cấp công trình xác định được là cấp II.
- Thẩm quyền quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời.

- Mục tiêu dự án:  
Mục tiêu của dự án nhằm đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Phong Phú với quy mô công suất khoảng 42MWp:  
- Tăng cường “nguồn điện sạch” theo chỉ thị của Chính phủ, đáp ứng nhu cầu phụ tải của khu vực.



- Tào ra công ăn việc làm (khoảng 20 lao động chính thức và 20 lao động thời vụ).
- Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, đóng góp vào ngân sách của địa phương.

• Cơ sở lý luận và thực tiễn:

Phát triển năng lượng bền vững là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới nhằm đảm bảo nguồn cung ứng điện lâu dài và giảm thiểu các tác động đến môi trường từ các nguồn năng lượng hóa thạch. Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, biomass...) với tiềm năng vô tận đã trở thành xu thế phát triển tất yếu của mọi quốc gia.

Hiện nay, các dạng năng lượng hóa thạch như than, dầu mỏ, .. đang cạn dần, đồng thời vẫn đề ô nhiễm môi trường do việc đốt nhiên liệu gây ra ngày càng trầm trọng, các nước có xu hướng tìm nguồn năng lượng sạch để thay thế. Trong đó, năng lượng mặt trời là một trong những dạng năng lượng được chọn là nguồn năng lượng thay thế trong tương lai, trong chiến lược năng lượng của các quốc gia trên thế giới có tiềm năng về năng lượng mặt trời.

Trong năm 2005, công suất lắp đặt điện mặt trời trên thế giới là 5,1GW. Sau 10 năm, tính đến năm 2015, tổng công suất lắp đặt điện mặt trời trên thế giới lên đến 227GW. Riêng ở Châu Á, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn độ là các nước có tốc độ tăng trưởng đầu tư lắp đặt nhà máy điện mặt trời PV cao nhất trong năm 2015. Tăng trưởng về đầu tư riêng năng lượng mặt trời đối với các nước đang phát triển là lớn hơn 12%. Đây là một con số rất ấn tượng, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư về lĩnh vực này đối với các nước bắt đầu phát triển điện mặt trời như ở Việt Nam.

Việt Nam được xem là quốc gia có tiềm năng lớn về năng lượng mặt trời, đặc biệt là vùng miền Trung và miền Nam của đất nước, với cường độ bức xạ mặt trời trung bình khoảng 5 Kwh/m<sup>2</sup>/ngày (1.825 KWh/m<sup>2</sup>/năm). Miền Tây Nguyên và Nam Trung Bộ có số giờ nắng trong năm cao nhất cả nước, lên tới 2000-2600 giờ/năm. Hơn nữa, năng lượng mặt trời có sẵn quanh năm và khá ổn định.

Xét về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực dự án:

Về điều kiện khí hậu, Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú nằm trong vùng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa Đông Nam Á, ngoài ra chế độ thời tiết và khí hậu vùng dự án còn mang các đặc điểm của khí hậu miền duyên hải cực Nam Trung Bộ với các đặc điểm như: tình trạng khô hạn cao trong toàn bộ chế độ mưa ẩm liên quan với vị trí che khuất của vùng này bởi vòng cung núi bao bọc từ các phía Bắc, Tây, Nam. Độ ẩm không khí trong vùng thấp, trung bình năm 79%, mây ít, nắng nhiều, vùng này có số giờ nắng trung bình năm cao nhất tỉnh Bình Thuận, lên tới 2700-2755 giờ hoặc hơn nữa. Nhiệt độ trung bình khoảng 26,5-26,9 độ C, trong vùng ít có hoạt động của bão,



trung bình 4-5 năm mới có 1 trận bão đổ bộ xây ra từ tháng 10-11.

Về đặc điểm địa hình, địa chất, khu vực dự án có địa hình cát bằng phẳng ít bị chia cắt, cao độ địa hình thấp dần từ Đông sang Tây, cao độ địa hình trung bình khoảng 50m, độ dốc bình quân khoảng 1-5%, thuận lợi để lấp đất thiết bị. Điều kiện địa chất của nhà máy điện mặt trời Phong Phú không quá phức tạp. Hầu hết khu vực nghiên cứu thuộc diện phân bố các lớp địa chất có nguồn gốc trầm tích biển (mQ), kết quả khảo sát phần được 1 lớp địa chất kỷ hiện lớp 1, chiều sâu từ 608m chưa dứt lớp, thuận lợi cho xây dựng các trụ móng, tuy nhiên tính chất cơ lý của lớp 1 thấp, do đó thiết kế cần xem xét lựa chọn giải pháp móng và chiều sâu móng cho phù hợp với tải trọng dự kiến xây dựng công trình.

Về định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu chung của Bình Thuận trong phát triển kinh tế là khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, chủ động hội nhập, phát triển kinh tế biển, du lịch, năng lượng. Xây dựng và phát triển Bình Thuận đến năm 2030 căn bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tập trung xây dựng 3 trung tâm mang tầm quốc gia: Trung tâm năng lượng, trung tâm du lịch - thể thao biển, trung tâm chế biến khoáng sản titan. Phần đầu giai đoạn 2016-2020 có tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân 7,0-7,5%; giai đoạn 2021-2030 tăng bình quân 7,2-7,5%; thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 9,5-10%; giai đoạn 2021-2030 đạt 9,0-9,5%.

• Sự cần thiết đầu tư xây dựng công trình

Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú - 42MWp. Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, kế hoạch xây dựng phát triển nguồn điện thì sẽ đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn lắp đặt tập trung trên đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà. Dựa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể như hiện nay lên khoảng 850MW vào năm 2020, khoảng 4000MW vào năm 2025 và khoảng 12.000MW vào năm 2030. Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016-2020 và trong những giai đoạn sau, nhằm tránh tình trạng thiếu hụt điện vào mùa khô như hiện nay, hệ thống điện phải tăng cường công suất nguồn và lưới để đáp ứng nhu cầu phụ tải trong những năm tới của tỉnh Bình Thuận và khu vực các tỉnh lân cận.

Điện mặt trời là loại năng lượng sạch, giá thành sản xuất điện năng không biến động theo sự thay đổi giá của nhiên liệu đầu vào các dạng năng lượng truyền thống khác. Với nguồn tài nguyên vô tận, diện tích rất lớn góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho địa phương và đất nước trong giai đoạn sắp tới. Nhà máy điện phong phú được xây dựng tại khu vực có tiềm năng bức xạ mặt trời rất tốt, phù hợp để xây dựng nhà máy với quy mô



công nghiệp. Ngoài ra, dự án được triển khai còn góp phần tạo công ăn việc làm cho đại phương, tăng khoản nộp ngân sách địa phương bình quân hàng năm 20 tỷ đồng.

• Thời gian hoàn thành dự kiến: Trước 30/06/2019.

• Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.

• Quy mô dự án:

– Diện tích đất xây dựng: khoảng 60 ha. Trong đó phần diện tích để lắp các tấm pin năng lượng mặt trời khoảng 44,306 ha; diện tích trạm hợp bộ inverter, máy biến áp trung thế 22KV khoảng 0,63 ha; khu vực trạm biến áp 110KV, khu quan quản lý vận hành, trạm xử lý nước, nhà xe, đường giao thông khoảng 4,064 ha; phần diện tích 1 ha còn lại dự kiến sử dụng để quy tập mộ và troogn cây xanh

– Tiềm năng năng lượng mặt trời tại vị trí Dự án Phong Phú khoảng 1.940 kWh/m<sup>2</sup>/năm. Công suất lắp đặt là 42MWp, sản lượng điện năm đầu khoảng 66.605 MWh tại giá trị xác suất tương ứng là 50%. Hệ số hiệu suất PR của nhà máy điện trên 80,56%.

– Cấu hình phần nhà máy điện gồm 10 trạm biến áp trung thế và 19 inverter được chia làm 2 loại:

Loại 1: Tổng số 09 trạm, mỗi trạm 02 inverter, công suất khoảng 2000 KVA/máy kết nối với 01 máy biến áp trung thế, công suất 4.000 KVA.

Loại 2: Tổng số 01 trạm, inverter có công suất khoảng 2.000 KVA kết nối với 01 máy biến áp trung thế công suất 2.000 KVA.

• Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:

– Ngày 15/1/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ra Quyết định số 147/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án;

– Ngày 31/1/2018, Dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 3547776323

– Trước ngày 15/5/2018, làm việc với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo Bộ Công thương thông qua thiết kế cơ sở;

– Tháng 5/2018, hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng;

– Tháng 6/2018, thương thảo và ký xong hợp đồng EPC cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Nhà máy tới hàng rào Trạm nâng áp 22/110KV (Thời gian thực hiện hợp đồng là 240 ngày); Ký các hợp đồng khác nằm ngoài hợp đồng EPC;

– Tháng 6/2018, phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật do nhà thầu EPC trình;

– Tháng 6/2018, bàn giao mặt bằng phục vụ công tác xây dựng;

– Tháng 6/2018-1/2019, tiến hành thi công xây dựng nhà máy;



– Tháng 1/2019, hoàn thành cung cấp vật tư, thiết bị điện, lắp pin mặt trời, ... đến công trường chuẩn bị sẵn sàng cho lắp đặt;

– Cuối tháng 2/2019, hoàn thành, thi nghiệm và chạy thử nhà máy;

– Cuối tháng 3/2019, nghiệm thu, phát điện thương mại;

– Tháng 6/2019, hoàn thành quyết toán công trình.

• **Tình trạng pháp lý:**

– Quyết định số 4288/QĐ-BCT ngày 14/11/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung danh mục Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú, công suất 42MWp vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020;

– Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/1/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú tại xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

– Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3547776323 chứng nhận lần đầu ngày 31/01/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp;

– Giấy chứng nhận số 3391/TĐ-PCCC ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Thuận về thẩm định thiết kế phòng cháy, chữa cháy Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.

– Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 của UBND huyện Tuy Phong về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để xây dựng công trình Nhà máy Điện Mặt trời Phong Phú, huyện Tuy Phong.

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107687931 cấp lần đầu ngày 29/12/2016, thay đổi lần thứ 1 ngày 9/2/2018 của Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời.

• Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư dự án dự kiến 947 tỷ đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT), gồm:

**Bảng số 41: Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú**

TT	Hàng mục	Giá trị trước thuế (Đơn vị: Đồng)	Giá trị sau thuế (Đơn vị: Đồng)
1	Chi phí đền bù GPMB, tái định cư	29.007.270.554	29.007.271.000
2	Chi phí xây dựng	121.519.399.457	133.671.339.000
3	Chi phí thiết bị	560.421.524.134	616.463.677.000
4	Chi phí Quản lý dự án	7.735.937.837	7.735.938.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	17.511.491.320	19.262.640.000
6	Chi phí khác	89.002.284.547	91.513.923.000
7	Chi phí dự phòng	70.517.759.253	76.474.984.000



7.1	Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	46.477.836.475	51.125.620.000
7.2	Chi phí dự phòng cho trượt giá trong thời gian xây dựng	24.039.922.778	25.349.364.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>895.716.000.000</b>	<b>974.000.000.000</b>

• Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư cho dự án là vốn tự huy động của Chủ đầu tư và vốn vay thương mại. Cơ cấu vốn dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 như sau:

TT	Nội dung	Tỷ trọng
1	Vốn tự có của Công ty	30%
2	Vốn vay thương mại	70%
<b>Tổng cộng</b>		<b>100%</b>

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10607313/HBTD ký với BIDV Hà Tây, do

BIDV Hà Tây thực hiện điều chỉnh tỷ lệ cho vay (từ 75% xuống còn 70%) và phương án trả nợ gốc (mức 4.02 của Hợp đồng tín dụng) của khoản vay dẫn đến việc chi phí lãi vay của dự án giảm đi. Theo đánh giá, thẩm định của Ngân hàng, tổng mức đầu tư của dự án (đánh giá lại) sau khi giảm chi phí lãi vay là 942.666.000.000 đồng. Ngân hàng đồng ý cấp các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa 659.644.000.000 đồng. Vì vậy, sẽ có sự chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư dự toán của dự án trong báo cáo nghiên cứu khả thi so với tổng mức đầu tư theo đánh giá, thẩm định lại của Ngân hàng với số tiền 24.356 tỷ đồng. Để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời Phong Phú, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 thống nhất sẽ sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty để góp và sẽ trình xin ý kiến DHBCH gần nhất của CTCP Đầu tư điện Mặt Trời thông qua. Vốn vay dự kiến từ ngân hàng thương mại trong nước với các thông số sau:

- Lãi suất vay vốn: là lãi suất thả nổi, được xác định theo nguyên tắc bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam của bốn ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch); Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) + Margin 3,0%/năm. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm của bốn ngân hàng trên có thể được xác định theo thông báo trên trang Web chính thức của mỗi ngân hàng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần kể từ Ngày Giải ngân Đầu tiên và được thực hiện vào Ngày Lâm Việc đầu tiên của tháng điều chỉnh. Trường hợp lãi suất



cho vay của kỳ điều chỉnh vẫn giữ nguyên như kỳ hạn trước thì Bên cho vay không cần thông báo. Trường hợp mức lãi suất điều chỉnh vượt quá mức lãi suất áp dụng cho vay cao nhất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm điều chỉnh, thì lãi suất áp dụng sẽ là mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng.

- Thời gian thanh toán nợ gốc: Trong thời gian từ kỳ 25/9/2019 đến kỳ 25/6/2029.
- Hiệu quả của dự án về mặt kinh tế – xã hội:

- Đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện: Dự án khi đi vào vận hành sẽ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện cho khu vực và lưới điện quốc gia. Mặt khác, dự án cũng góp phần làm tăng tỷ trọng giữa nguồn năng lượng tái tạo so với các nguồn khác trong hệ thống điện, góp phần làm ổn định việc cung cấp điện cho nền kinh tế.

- Tạo việc làm cho người lao động: Trong quá trình vận hành nhà máy sẽ tạo ra thêm nhiều việc làm cho người lao động trong nhà máy điện với mức thu nhập ổn định, góp phần phát triển kinh tế xã hội khu vực, là động lực kéo theo các ngành khác trong khu vực phát triển.

- Phát triển dân sinh, kinh tế vùng: Dự án được sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc phát triển lưới điện của khu vực, là cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục... Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc phát triển văn hóa xã hội, tăng thu nhập cho người lao động và tăng sản lượng hàng hóa sản xuất tại địa phương. Đối với ngân sách nhà nước, dự án sẽ mang lại nguồn thu nhập từ các loại thuế, đồng thời dự án sẽ khuyến khích, thu hút các dự án khác phát triển.

- Tổng hợp doanh thu, chi phí và hiệu quả kinh tế của dự án theo kết quả tính toán chi tiêu tài chính:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Sản lượng	Triệu KWh	1.488,62
2	Doanh thu	Tỷ đồng	4.173,37
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.075
4	Thời gian thu hồi vốn	năm	10 năm 10 tháng
5	NPV	Tỷ đồng	388,16
6	B/C	Lần	1,34
7	FIRR	%	18,44

(Nguồn: Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và Nghị quyết ĐHĐCB của Công ty)

Bảng số 42: Mối quan hệ của CTCP Sông Đà 11 và người có liên quan của Công ty cổ phần Đầu tư Điện mặt trời

STT	Thông tin người có liên quan	Chức vụ tại CTCP Sông Đà 11	Mối quan hệ với CTCP Đầu tư điện Mặt Trời
1.	Công ty cổ phần Sông Đà 11		Công ty mẹ, sở hữu 94,5% vốn điều lệ thực góp CTCP Đầu tư điện Mặt Trời.
2.	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
3.	Trần Văn Ngự	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT
4.	Trần Thanh Giang	Phó KTT Công ty	Trưởng ban kiểm soát
5.	Nguyễn Văn Hải	Phó TGB Công ty	Thành viên ban kiểm soát
6.	Nguyễn Hoàng Tùng	Trưởng phòng KTCG	Thành viên ban kiểm soát
7.	Nguyễn Hoàng Hưng	Người đại diện vốn của SJE tại CTCP Đầu tư điện Mặt Trời	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc



**VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐÓT CHÀO BÁN**

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCB bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCB ngày 16/10/2018 của Công ty thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty, kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua dự kiến như sau:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.931.863 cổ phiếu

Sổ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến: 103.977.945.000 đồng. Toàn bộ số tiền huy động được từ đợt chào bán được Công ty sử dụng vào mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thông qua chỉ tiết phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể về thời gian thực hiện và kế hoạch sử dụng tiền như sau :

<b>Nội dung sử dụng vốn</b>		<b>Giá trị dự kiến (BVT: đồng)</b>	<b>Thời gian dự kiến</b>
1. Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy điện mặt trời Phong Phú”:		103.977.945.000	Trong quý I/2019
- Bổ sung nguồn vốn thực hiện toàn hợp đồng cung cấp VTTB, thi công xây dựng Trạm năng áp 22/110KV, và nâng cấp VTTB, thi công xây dựng đường dây 110KV Phong phú – Phan Ri và Ngăn lò 110KV đầu nối vào TBA Phan Ri (Gói thầu EPC-11).		25.416.736.000	Trong tháng I/2019
- Bổ sung nguồn vốn thực hiện toàn hợp đồng thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Nhà máy (Gói thầu EPC-10).		78.561.209.000	Trong tháng I, 2/2019
<b>Tổng cộng</b>		<b>103.977.945.000</b>	

Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCB ngày 25/7/2018 của ĐHĐCB Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời thông qua phương án góp vốn của các cổ đông hiện hữu để triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy điện mặt trời Phong Phú” tại tỉnh Bình Thuận, công suất 42MWp, CTCP Đầu tư điện Mặt Trời căn cứ nguồn vốn thực góp từ cổ đông ứng là 290 tỷ đồng (bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ đồng), trong đó SJE sẽ góp 264,640 tỷ đồng. Hội đồng quản trị SJE thông qua phương án cần đổi nguồn vốn chủ sở hữu và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để góp vốn như sau:

- + Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua (số tiền: 103,977 tỷ đồng).
- + Số tiền còn lại cần góp thêm, căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch đầu tư dự án, Hội đồng quản trị thông nhất sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu còn kết dư đến 31/12/2017, nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018 (số tiền: 160,663 tỷ đồng).

**IX. CÁC BỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

- Địa chỉ: Số 40 Giảng Võ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 37.367.879 Fax: (024) 37.367.869
- Website: <https://www.a-c.com.vn/>

**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: [www.irs.com.vn](http://www.irs.com.vn)

**X. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
3. Phụ lục III: Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2018 thông qua Phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
4. Phụ lục IV: Bản sao các Báo cáo kiểm toán tổng hợp và Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2018.
5. Phụ lục V: Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu.
6. Phụ lục VI: Bản sao Hợp đồng tư vấn phát hành.





**BẢN CẠO BẠCH**  
**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

**TỔ CHỨC CHÀO BÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VĂN SƠN**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**HÀ HỒNG NHUNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ VĂN TUẤN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRẦN VĂN NGỰ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN THỊ THU HƯƠNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

**Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**